

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ HẠ TẦNG AN PHÚC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ HẠ TẦNG AN PHÚC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN PHUC CONSTRUCTION AND INFRASTRUCTURE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: AN PHUC.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108736412

**3. Ngày thành lập:** 14/05/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 38, LK2, DV3, Khu Văn La, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0977.48.38.58

Fax:

Email: [anphuc.jsc1@gmail.com](mailto:anphuc.jsc1@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở<br>Chi tiết : Xây dựng các loại nhà                                                                                              | 4101(Chính) |
| 2.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                | 4390        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                     | 4330        |
| 4.  | Thoát nước và xử lý nước thải<br>( Chỉ hoạt động khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)                                                      | 3700        |
| 5.  | Khai thác, xử lý và cung cấp nước<br>( Chỉ hoạt động khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)                                                  | 3600        |
| 6.  | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                              | 8130        |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                              | 4321        |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Thi công lắp đặt điện nước công trình;<br>- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;                       | 4329        |
| 9.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                            | 3320        |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                    | 4659        |
| 11. | Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn<br>(Trừ dịch vụ Nhà nước cấm)                                                                                     | 8020        |
| 12. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí | 4322        |

|     |                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                        | 4299 |
| 14. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                     | 4211 |
| 15. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                      | 4212 |
| 16. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn khoáng sản ( trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);                       | 4669 |
| 17. | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Khai thác khoáng sản ( trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);                                | 0899 |
| 18. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận chuyển hành khách theo hợp đồng;                                                                | 4932 |
| 19. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hoá theo hợp đồng;                                                                       | 4933 |
| 20. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình ( không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình)                      | 7410 |
| 21. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;                                                          | 4610 |
| 22. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;                                                          | 3290 |
| 23. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                           | 4663 |
| 24. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết : Cho thuê máy móc thiết bị ngành xây dựng, giao thông | 7730 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.              | 8299 |
| 26. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                               | 7110 |
| 27. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư ( Không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính)        | 6619 |

**6. Vốn điều lệ:** 8.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

